

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2020

V/v: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Lợi.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 15/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D - SN 1994

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã Q, huyện Q, Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Trần Bá C - SN 1988.

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Q, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị D, vắng mặt anh C không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Trần Bá C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 03/7/2012.

Sau khi kết hôn, anh, chị chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C không chịu khó làm ăn, hay lơ đãng, cờ bạc. Chị khuyên giải nhiều lần nhưng anh C không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ tháng 11/2019, chị đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

- *Về con cái:* Vợ chồng chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về tài sản và công nợ:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Trần Bá C trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh có chơi cờ bạc, chị D không đồng ý nên xảy ra cãi nhau. Cuối năm 2019 chị D bỏ về nhà ngoại sinh sống từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị D làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án anh không đồng ý vì anh không đánh đuổi chị D mà do chị D tự bỏ về nhà ngoại.

- *Về con cái:* Vợ chồng chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Anh Trần Bá C và chị Nguyễn Thị D kết hôn với nhau từ năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn H, xã Q cùng với gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống anh, chị có mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm rõ vì anh, chị không báo cáo chính quyền địa phương. Chị D đã bỏ về nhà ngoại sinh sống từ cuối năm 2019.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng trình tự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Bá C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Đây là quan hệ “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, nhưng anh C vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân:* Chị D và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 03/7/2012 là Hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị D là do anh C không chịu khó làm ăn, hay lô đề, cờ bạc. Chị khuyên giải nhiều lần nhưng anh C không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau.

Anh C thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh có chơi bài bạc, chị D không đồng ý dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Cuối năm 2019 chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị D xin ly hôn anh tại Tòa án, anh không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh C nhiều lần, nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do; Chứng tỏ rằng anh C không có thiện chí để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị D.

Xét thấy, tình cảm giữa vợ chồng anh, chị là trầm trọng, chị D và anh C đã không chung sống với nhau một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Do đó HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D.

[3]*Về con cái*: Chị D, anh C chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]*Về tài sản và công nợ*: Chị D, anh C đều thống nhất không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử:

1.*Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trần Bá C.

2.*Về con chung*: Chị D, anh C chưa có con chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3. *Về tài sản và công nợ*: Chị D, anh C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.*Về án phí*: Chị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 2018 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H.Quảng Xương;
- UBND xã Q, Huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Lý